

HIỆN TRẠNG KỸ THUẬT VÀ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA NGHỀ NUÔI NGHÊ TRẮNG (*Meretrix lyrata*) TẠI HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

TECHNICAL STATUS AND FINANCIAL EFFICIENCY OF FARMING WHITE CLAM (*Meretrix lyrata*) IN HOA BINH DISTRICT, BAC LIEU PROVINCE

Ngô Thị Thu Thảo^{1*}, Dương Minh Thùy²,
Phùng Hữu Tâm³ và Vũ Trọng Đại⁴

¹ Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

² Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bạc Liêu

³ Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF-Việt Nam)

⁴ Viện Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Thu Thảo; Email: thuthao@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 30/10/2024; Ngày phản biện thông qua: 05/12/2024; Ngày duyệt đăng: 10/12/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của nghề nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu thông qua phương pháp điều tra khảo sát trực tiếp 20 hộ nuôi nghêu. Kết quả cho thấy mô hình nuôi nghêu trên bãi triều tại địa phương này có những đặc điểm kỹ thuật như sau: diện tích nuôi trung bình/hộ $13,93 \pm 3,90$ ha, cỡ giống thả nuôi 3.825 ± 634 con/kg, lượng giống thả $1,59 \pm 0,58$ tấn/ha, mật độ thả $422,5 \pm 41,2$ con/m², thời gian nuôi $17,53 \pm 0,84$ tháng, cỡ nghêu thu hoạch $62,25 \pm 4,57$ con/kg, tỷ lệ sống $58,50 \pm 6,71\%$ và năng suất nuôi trung bình $10,60 \pm 3,77$ tấn/ha/vụ. Hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi nghêu: giá nghêu thương phẩm $20.750 \pm 2,881$ nghìn đồng/kg, chi phí sản xuất $120,44 \pm 40,24$ triệu đồng/ha/vụ, doanh thu $223,72 \pm 102,24$ triệu đồng/ha/vụ. Lợi nhuận trung bình $103,28 \pm 70,83$ triệu đồng/ha/vụ và tỷ suất lợi nhuận $83,7 \pm 0,34\%$. Khảo sát cũng cho thấy người nuôi đã có nhận thức về tác động của các yếu tố môi trường, biến đổi thời tiết khí hậu và những khó khăn đang gặp phải như: môi trường nước và một số vấn đề về kỹ thuật nuôi qua đó kiến nghị một số giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững nghề nuôi nghêu tại địa phương.

Từ khóa: Bạc Liêu, nuôi nghêu, kỹ thuật, hiệu quả kinh tế

ABSTRACT

The survey was conducted to evaluate the techniques and economic efficiency of white hard clam farming in Hoa Binh district, Bac Lieu province of 20 sample of clam farming. The results show that the clam farming model on the tidal flats in this locality has the following technical characteristics: average farming area/household 13.93 ± 3.90 ha, stocking size of clams $3,825 \pm 634$ clams/kg, stocking amount 1.59 ± 0.58 tons/ha, stocking density 422.5 ± 41.2 ind./m², culture period 17.53 ± 0.84 months, harvested clam size 62.25 ± 4.57 ind./kg, survival rate $58.50 \pm 6.71\%$ and average farming productivity 10.60 ± 3.77 tons/ha/crop. Economic efficiency of the clam farming model: commercial clam price $20,750 \pm 2,881$ thousand VND/kg, production costs 120.44 ± 40.24 million VND/ha/crop, revenue 223.72 ± 102.24 million VND/ha/crop. Average profit 103.28 ± 70.83 million VND/ha/crop and profit ratio $83.7 \pm 0.34\%$. The survey also showed that farmers are aware of the impact of environmental factors, weather and climate change. The difficulties they are facing such as water environment and some issues of farming techniques. From there, some solutions have been suggested to ensure sustainable development of clam farming in the locality.

Keywords: White clam farming, Bac Lieu, technique, finance

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề nuôi nghêu trắng (*Meretrix lyrata*) ở ven biển đã có những bước phát triển mạnh mẽ về diện tích và sản lượng nuôi cũng như mức độ thâm canh trong những năm qua. Năm

2022, tổng diện tích nuôi động vật thân mềm của nước ta có diện tích 41.500 ha, đạt sản lượng trên 265.000 tấn, giá trị xuất khẩu đạt khoảng 150 triệu đô la Mỹ, trong đó riêng xuất khẩu nghêu chiếm 70%, tương đương 104,5

triệu đô la Mỹ, tăng 7% so với năm 2021 [11]. Trong định hướng quy hoạch phát triển nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, riêng diện tích nuôi nghêu đến năm 2030 là 24.550 ha; sản lượng nghêu thu hoạch dự kiến là 393.120 tấn [1].

Khảo sát của cho thấy năng suất nghêu nuôi tại tỉnh Trà Vinh đạt 4,8 tấn/ha/vụ [3]. Báo cáo năng suất nuôi nghêu ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang chỉ đạt 13,4 tấn/ha/vụ với tỷ lệ sống khoảng 34,0% [4]. Nhiều nguyên nhân liên quan đến yếu tố kỹ thuật được đưa ra để giải thích cho kết quả nuôi nghêu chưa đạt hiệu quả như mong đợi đó là: nguồn giống phụ thuộc tự nhiên, chất lượng con giống chưa đảm bảo, nghêu giống quá nhỏ và thả với mật độ khá dày (gần 400 con/m²), trong quá trình nuôi không cào san thưa hoặc bãi nuôi bị xói lở, nền đáy không phù hợp cho nghêu sinh trưởng.... [4]

Bạc Liêu là một trong những địa phương giàu tài nguyên và hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nghề nuôi biển. Với diện tích tự nhiên hơn 2.667km², trong đó có trên 100 km² đất mặt nước ven biển (bãi bồi ven biển) và bờ biển dài 56km, cùng vùng đặc quyền kinh tế biển rộng trên 20.700km² là tiền đề rất quan trọng để Bạc Liêu khai thác, phát huy thế mạnh từ nuôi trồng thủy sản, đặc biệt nghề nuôi nghêu trắng, với sản lượng ước đạt 200.000 tấn (tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 là 5,99%/năm). Tuy nhiên trong những năm qua, kết quả nghề nuôi nghêu chưa ổn định, có những thời điểm nghêu chết hàng loạt chưa rõ nguyên nhân, năng suất nghêu nuôi không đạt hiệu quả như mong đợi. Để nghề nuôi nghêu phát triển ổn định, đem lại hiệu quả hơn thì việc khảo sát, đánh giá về hiện trạng kỹ thuật nuôi và hiệu quả kinh tế của nghề nuôi nghêu tại địa phương này là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu góp phần tìm hiểu rõ về thực trạng nuôi nghêu trên bãi triều, góp phần cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý tại địa phương có thể tham khảo để cải thiện biện pháp quản lý, điều chỉnh kỹ thuật nuôi và góp phần phát triển bền vững nghề nuôi nghêu.

II. ĐỐI TƯỢNG, VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Thu thập thông tin

Số liệu thứ cấp về nghề nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được thu tại các cơ quan: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bạc Liêu. Nội dung thu thập gồm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng kỹ thuật của nghề nuôi nghêu của Tỉnh trong những năm gần đây và định hướng trong thời gian tới.

Số liệu sơ cấp được thu bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 20 hộ nuôi nghêu trong tổng số 8 hợp tác xã nuôi nghêu trên bãi triều tại huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023 dựa vào phiếu điều tra. Danh sách các hộ được phỏng vấn dựa trên kết quả phân loại, đánh giá của chính quyền địa phương và nhóm nghiên cứu để đảm bảo độ tin cậy về số lượng mẫu, tính đại diện và tiềm năng phát triển, mở rộng diện tích bãi nuôi trong tương lai. Các thông tin thu nhập chủ yếu bao gồm: Thông tin chung về hộ nuôi (Thông tin cá nhân, số lao động trong nghề, kinh nghiệm nuôi); Thông tin kỹ thuật (hình thức nuôi, diện tích, độ sâu bãi nuôi, mật độ thả nuôi, thông tin về nguồn gốc và kích cỡ con giống, tỷ lệ sống, thời gian nuôi sò, thời gian thu hoạch, kích cỡ thu hoạch); Thông tin tài chính (giá con giống, giá bán nghêu, tổng thu từ sản phẩm nghêu, tổng chi phí cho một vụ nuôi, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận). Các vấn đề liên quan khác như điều kiện môi trường nuôi, con giống, tình hình dịch bệnh, thuận lợi, khó khăn và của nghề nuôi, đề xuất các giải pháp để cải thiện tình hình.

2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

2.1. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp hạch toán kết quả và hiệu quả kinh tế

Phương pháp tính toán các chỉ tiêu tài chính: được sử dụng để tính các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong kinh tế:

Tổng chi phí sản xuất = Tổng số tiền chi phí cho vụ nuôi nghêu

Tổng thu nhập = Tổng số tiền bán sản phẩm

Tổng lợi nhuận = Tổng thu nhập – Tổng chi phí

Tỷ suất lợi nhuận (%) = Tổng lợi nhuận / Tổng chi phí x 100

Phương pháp phân tích thống kê mô tả: được sử dụng để trình bày các chỉ tiêu về kỹ thuật và tài chính được thể hiện qua số trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ phần trăm, tần suất...

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập được kiểm tra và mã hóa trước khi nhập vào máy tính. Sử dụng phần mềm Excel để nhập, xử lý và phân tích số liệu.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung về nông hộ

Kết quả Bảng 1 cho thấy người nuôi nghêu có độ tuổi trung bình khoảng 44 tuổi và có trên 6 năm kinh nghiệm trong nghề. Với độ tuổi và

số năm kinh nghiệm như vậy chính là yếu tố thuận lợi trong chăm sóc quản lý và xử lý các vấn đề xuất hiện trong quá trình nuôi nghêu, đồng thời có khả năng tìm kiếm và tiếp nhận những thông tin, những kiến thức mới góp phần cải thiện những vướng mắc và khó khăn để nghề nuôi nghêu đạt kết quả tốt hơn. Khảo sát cũng cho thấy số lao động trong gia đình và lao động thuê mướn thường xuyên chỉ khoảng 1-2 người/hộ/vụ nuôi. Đặc điểm của nghề nuôi nghêu chỉ cần ít người trông coi trong suốt vụ nuôi và cần nhiều công lao động vào thời điểm thu hoạch, vì ở Đồng Bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) việc thu hoạch nghêu chủ yếu là bằng tay (thủ công) chứ không sử dụng máy móc cơ giới. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu về phân bố công lao động cho nghề nuôi nghêu ở vùng ĐBSCL [5].

Bảng 1: Thông tin chung về các hộ nuôi nghêu ở Bạc Liêu (n=20)

| Các chỉ tiêu | Giá trị trung bình (± độ lệch chuẩn) | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|---------------------------------|--------------------------------------|------------------|------------------|
| Tuổi nông hộ (năm) | 44,61 ± 6,59 | 33 | 59 |
| Kinh nghiệm nuôi (năm) | 6,05 ± 2,58 | 2 | 10 |
| Số thành viên trong gia đình | 4,42 ± 0,90 | 3 | 6 |
| Số lao động tham gia nuôi nghêu | 1,26 ± 0,45 | 1 | 2 |
| Số lao động thuê mướn | 1,37 ± 0,50 | 1 | 2 |

3.2. Một số đặc điểm kỹ thuật của nghề nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình

Mô hình nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình là mô hình nuôi trên bãi triều, bãi có nền đáy cát bùn, trong đó chủ yếu là cát (> 90%). Độ mặn trên bãi nuôi nghêu biến động trong khoảng 10 – 25‰ với thời gian phơi bãi trung bình là 4,4 ± 0,6 giờ (ngắn nhất là 4 giờ và dài nhất là 6 giờ). Khoảng độ mặn và thời gian phơi bãi như vậy là hợp lý và không ảnh hưởng đến xấu đến sinh trưởng cũng như tỷ lệ sống của nghêu. Theo các kết quả nghiên cứu thì độ mặn phù hợp cho sinh trưởng của nghêu từ 10 – 20‰ và thời gian phơi bãi tốt nhất là < 6 giờ [6, 7].

Các hộ nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình có thực hiện việc dọn bãi trước khi thả nghêu giống, tuy nhiên họ không chắn lưới xung quanh khu vực nuôi. Trong quá trình nuôi, nghêu có hiện tượng di chuyển ra khỏi bãi nuôi khi gặp điều kiện thời tiết thay đổi, sóng to gió

lớn hoặc ảnh hưởng của mưa bão. Việc cào san thưa nghêu được thực hiện trung bình 4,4 lần/vụ nuôi, có hộ cào san thưa nghêu lên đến 6 lần/vụ tuy nhiên có một số hộ chỉ thực hiện 2 lần/vụ vào những tháng đầu sau khi thả nghêu giống.

Tất cả các hộ nuôi nghêu chọn mua nghêu giống có nguồn gốc từ tự nhiên. Phần lớn các hộ nuôi chọn mua nghêu giống, sau đó thả trực tiếp vào bãi nuôi mà không trải qua giai đoạn ương dưỡng nghêu giống. Các hộ nuôi không liên kết sản xuất với các cơ sở sản xuất hoặc ương dưỡng nghêu giống, họ mua nghêu giống từ các nguồn khác nhau, trong đó các địa phương chính là tỉnh Bến Tre (40%), huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh (35%) và tỉnh Bạc Liêu (25%). Nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và CTV (2007) cho thấy, cơ cấu lượng nghêu giống mua bởi các cơ sở nuôi ở Trà Vinh là 16,8%, Bến Tre 52,7%, Cần Giờ 17,7%, Sóc

Trăng và 12,5% từ Gò Công Đông. Một số rất ít lượng nghêu giống có nguồn gốc từ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu [5]. Nguồn nghêu giống tự nhiên cung cấp cho vùng nuôi nghêu thương phẩm ở ĐBSCL khá phong phú, tuy nhiên vẫn tập trung chủ yếu từ các tỉnh Bến Tre, Cần Giờ và Tiền Giang.

Các hộ nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình có diện tích dao động khá lớn, diện tích nuôi trung bình là 13,93 ha (Bảng 1). So với diện tích nuôi nghêu của các hộ nuôi ở tỉnh Thái Bình (dao động từ 1,5 - 2,8 ha/hộ) hoặc diện tích của các hộ nuôi nghêu ở Gò Công Đông (trung bình 6,4 ha/hộ), thì diện tích nuôi nghêu của huyện Hòa Bình lớn gấp 2 lần, điều này có thể đã gây khó khăn cho việc chăm sóc và quản lý nghêu trong

quá trình nuôi [4][10].

Kích cỡ nghêu giống được các hộ chọn thả nuôi trung bình là 3.825 con/kg nằm trong khoảng 3.000 – 5.000 con/kg với mật độ thả là 422,5 con/m² và lượng giống thả trung bình 1,59 tấn/ha. Kết quả về kích cỡ nghêu thả nuôi nhỏ hơn nhưng mật độ nuôi cao hơn so với kết quả tại huyện Gò Công Đông của tỉnh Tiền Giang, trong đó nghêu giống được thả nuôi trên bãi triều với kích cỡ 2.604 con/kg, lượng giống thả là 2,3 tấn/ha và mật độ thả 387,9 con/m²[4]. Đa số các hộ nuôi đã chọn nghêu giống cỡ trung (3.000 – 5.000 con/kg) để thả giống, nhưng kích cỡ giống còn rất nhỏ so với các hộ nuôi nghêu ở tỉnh Trà Vinh là 838,9 con/kg [3].

Bảng 2: Một số đặc điểm kỹ thuật của nghề nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình

| Các chỉ tiêu | Giá trị trung bình (± độ lệch chuẩn) | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|------------------------------|---|------------------|------------------|
| Diện tích nuôi (ha/hộ) | 13,93 ± 3,90 | 4,7 | 20 |
| Kích cỡ giống (con/kg) | 3.825 ± 634 | 3000 | 5000 |
| Mật độ (con/m ²) | 422,5 ± 41,2 | 400 | 500 |
| Lượng giống (tấn/ha) | 1,59 ± 0,58 | 0,5 | 3,0 |
| Thời gian nuôi (tháng) | 17,53 ± 0,84 | 16 | 18 |

Với kích cỡ giống trung bình là 3825 con/kg thì thời gian nuôi nghêu của các hộ khoảng 17,53 tháng tương đương với kết quả nghiên cứu về nghề nuôi nghêu ở tỉnh Thái Bình, theo đó cỡ nghêu 3.000 - 4.000 con/kg có thời gian nuôi trung bình từ 16 - 18 tháng[10]. Khảo sát về nuôi nghêu tại huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang thì thời gian nuôi là 17,5 tháng với cỡ nghêu giống 2.604 con/kg [4]. Tuy nhiên, thời gian nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình dài hơn so với các hộ nuôi nghêu ở tỉnh Trà Vinh (16,4 tháng) do các hộ nuôi nghêu ở tỉnh Trà Vinh thả con giống với kích cỡ lớn (trung bình 839,9 con/kg) nên thời gian nuôi ngắn hơn [3].

Mật độ thả nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình là quá dày (422,5 con/m²) nên có thể nghêu cạnh tranh về nền đáy và lượng thức ăn dẫn đến sinh trưởng chậm, kéo dài thời gian nuôi. Mật độ nuôi cao cũng tăng nguy cơ rủi ro cho nghề nuôi nghêu trong tình hình thời tiết thay đổi liên tục và dịch bệnh có thể xảy ra gây thiệt hại cho nghề nuôi nghêu. Nghiên cứu cho thấy mật

thả nuôi nghêu ở bãi triều ven biển huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình dao động 150 - 200 con/m² (cỡ giống 3.000 - 4.000 con/kg) [10]. Ngoài ra, một nghiên cứu khác cũng cho thấy mật độ thích hợp nhất để nuôi nghêu thương phẩm ở bãi triều là 240 con/m² (cỡ giống khoảng 1.200 - 1.300 con/kg) [9]. Khi được hỏi ý kiến về cải tiến kỹ thuật nuôi nghêu trong thời gian tới, 100% các hộ nuôi nghêu ở Hòa Bình đều xác nhận họ cần phải giảm mật độ nuôi và thả nghêu giống với kích cỡ lớn hơn. Kích cỡ giống nhỏ và mật độ thả nuôi cao đã làm giảm tăng trưởng, sức chống chịu của nghêu giống, từ đó dẫn đến hiện tượng nghêu chết hàng loạt xảy ra trong những năm gần đây[8].

Sau thời gian nuôi 17,5 tháng, kích cỡ nghêu thương phẩm thu hoạch dao động trong khoảng 50 đến 70 con/kg, trung bình là 62,2 con/kg. So với các hộ nuôi nghêu ở tỉnh Tiền Giang, Trà Vinh và Thái Bình, kích cỡ nghêu thương phẩm thu hoạch ở huyện Hòa Bình là khá nhỏ. Cỡ nghêu thương phẩm ở Gò Công Đông là

56,6 con/kg và cỡ nghêu thương phẩm thu hoạch của các hộ nuôi ở tỉnh Thái Bình trung bình khoảng 40 - 50 con/kg [4][10]. Các tác giả này cho rằng đề xuất khâu kích cỡ nghêu

thương phẩm dao động khoảng 50 - 65 con/kg và thị trường Châu Á cũng như nội địa tiêu thụ chủ yếu cỡ nghêu < 50 con/kg.

Bảng 3: Kết quả của mô hình nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình

| Các chỉ tiêu | Giá trị trung bình (\pm độ lệch chuẩn) | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|-----------------------------|---|------------------|------------------|
| Cỡ nghêu thu hoạch (con/kg) | 62,25 \pm 4,57 | 50 | 70 |
| Tỉ lệ sống (%) | 58,50 \pm 6,71 | 50 | 70 |
| Năng suất (tấn/ha/vụ) | 10,60 \pm 3,77 | 5 | 20,5 |
| Sản lượng (tấn/hộ/vụ) | 140,59 \pm 47,90 | 85 | 259 |

Tỷ lệ sống của nghêu sau một vụ nuôi tại huyện Hòa Bình đạt 58,50 % và khá đồng đều giữa các hộ (từ 50 - 70%). Tỷ lệ sống của nghêu nuôi tại huyện Hòa Bình là cao hơn so với nghêu nuôi tại huyện Gò Công Đông (34,1%) [4]. Năng suất nghêu nuôi đạt trung bình 10,60 tấn/ha/vụ, trong đó nhỏ nhất là 5 tấn/ha/vụ và cao nhất đạt 20,5 tấn/ha/vụ. Kết quả này thấp hơn so với báo cáo về năng suất nghêu nuôi tại Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (13,4 tấn/ha/vụ) nhưng cao hơn so với báo cáo về nghề nuôi nghêu tại tỉnh Trà Vinh (4,8 tấn/ha/vụ) [3][4]. Nhìn chung, trung bình năng suất nuôi nghêu trong nghiên cứu này cùng với các tỉnh ven biển ĐBSCL thấp hơn nhiều so với kết quả điều tra tại các vùng nuôi nghêu trọng điểm tại các tỉnh ven biển miền Bắc như Thái Bình (59,1 tấn/ha/vụ) và Nam Định (48,4 tấn/ha/vụ) hoặc tại Thanh Hóa (24,7 tấn/ha) [2].

3.3. Hiệu quả kinh chính của nghề nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình

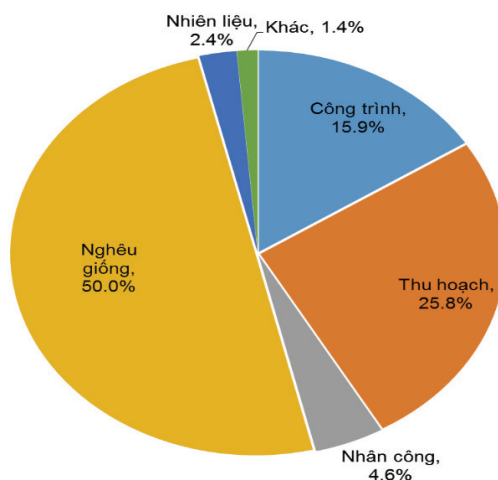
Bảng 4 và Hình 1 cho thấy tổng chi phí cho nuôi nghêu là 120,44 triệu đồng/ha/vụ trong đó chi phí cao nhất là con giống (61,17 triệu đồng/ha/vụ) chiếm tỷ lệ 50%. Ở ĐBSCL trong đó có tỉnh Bạc Liêu việc thu hoạch nghêu không sử dụng phương tiện cơ giới (Hình 2), cần rất nhiều nhân công để thu hoạch nghêu khi nước triều rút do đó chi phí thuê mướn lao động thu hoạch nghêu khá lớn (31,05 triệu đồng) chiếm tỷ lệ 25,8%. Chi phí xây dựng bãi nuôi ở huyện Hòa Bình cũng khá cao (19,13 triệu đồng) chiếm tỷ lệ 15,9%. Ngoài ra còn những khoản chi phí khác như thuê nhân công, nhiên liệu, thông tin liên lạc hoặc trả lãi suất ngân

hàng chiếm tỷ lệ thấp hơn. Tổng chi phí đầu tư và các khoản chi cho nuôi nghêu trên bãi triều tại huyện Hòa Bình có một số biến động so với khảo sát về mô hình nuôi nghêu trên bãi triều tại huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang [4]. Trong đó, tổng chi là 103,6 triệu đồng/ha/vụ với chi phí con giống lên đến 78,2% (tương đương 80,34 triệu đồng), nhân công 14,5% (14,9 triệu đồng); tuy nhiên chi phí khác là 5,13%, lưới cọc là 1,69% và nhiên liệu chỉ chiếm 0,42%. Tổng chi phí và cơ cấu chi phí có thể thay đổi tùy theo đặc điểm mô hình nuôi và kỹ thuật canh tác. Tuy nhiên, nhận định về hoạt động nuôi nghêu ở vùng ĐBSCL thì chi phí con giống và công lao động chiếm tỷ lệ lên đến 80% cơ cấu chi phí sản xuất, các khoản chi khác chiếm tỷ lệ thấp hơn [5]. Nhóm nghiên cứu nhận định nếu chủ động hơn và giảm được chi phí con giống sẽ quyết định đến việc hạ giá thành. Kết quả khảo sát tại huyện Hòa Bình trong nghiên cứu này cho thấy chi phí nhân công cũng chiếm tỷ lệ khá lớn bên cạnh chi phí con giống trong tổng chi phí nuôi nghêu, việc qui hoạch lại diện tích nuôi và cải tiến kỹ thuật thu hoạch để giảm giá thành cũng là vấn đề cần phải xem xét trong thời gian tới.

Với giá bán nghêu trung bình 20,75 ngàn đồng/kg tổng thu từ nuôi nghêu đạt 223,72 triệu đồng/ha/vụ, tổng chi phí là 120,44 triệu đồng/ha/vụ thì nghề nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình có thể thu về lợi nhuận 103,28 triệu đồng/ha/vụ và tỷ suất lợi nhuận là 83,7%. Trong số các hộ được khảo sát, không có hộ nào bị lỗ vốn. Đây là một kết quả khả quan, người nuôi khá yên tâm với nghề nuôi nghêu và mong muốn

Bảng 4: Tổng chi phí và các khoản chi của mô hình nuôi nghêu tại huyện Hòa Bình

| Các khoản chi (triệu đồng/ha/vụ) | Giá trị trung bình (\pm độ lệch chuẩn) | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|----------------------------------|---|------------------|------------------|
| Tổng chi phí | 120,44 \pm 40,24 | 60,26 | 190,28 |
| Chi phí con giống | 60,17 \pm 16,61 | 36,92 | 93,33 |
| Chi phí thu hoạch | 31,05 \pm 21,56 | 7,50 | 75,00 |
| Xây dựng công trình | 19,13 \pm 13,94 | 6,00 | 57,69 |
| Chi phí nhân công | 5,50 \pm 2,93 | 2,00 | 15,96 |
| Nhiên liệu | 2,94 \pm 1,74 | 1,67 | 9,57 |
| Chi khác | 1,64 \pm 0,75 | 0,83 | 1,67 |
| Lãi suất ngân hàng | 1,40 \pm 0,93 | 0,00 | 4,26 |



Hình 1: Cơ cấu chi phí cho nuôi nghêu trên bãi triều tại huyện Hòa Bình.

tiếp tục đầu tư để sản xuất. Các kết quả về mô hình nuôi nghêu tại Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cho thấy tổng thu nhập 198,4 triệu đồng và tổng chi phí là 103,6 triệu đồng, lợi nhuận thu được 94,8 triệu đồng và tỷ suất lợi nhuận là 92,0% với giá bán nghêu là 16,53 ngàn đồng/

kg [4]. Nghêu thương phẩm ở huyện Hòa Bình có giá bán cao hơn, tuy nhiên tổng số tiền đầu tư cho nuôi nghêu cũng cao hơn cho nên tỷ suất lợi nhuận của nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình thấp hơn ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bảng 5: Hiệu quả tài chính của mô hình nuôi nghêu trên bãi triều tại huyện Hòa Bình

| Các chỉ tiêu | Giá trị trung bình (\pm độ lệch chuẩn) |
|--------------------------------------|---|
| Giá bán nghêu (đồng/kg) | 20.750 \pm 2.881 |
| Tổng chi phí (triệu đồng/ha/vụ) | 120,44 \pm 40,24 |
| Tổng thu từ nghêu (triệu đồng/ha/vụ) | 223,72 \pm 102,24 |
| Lợi nhuận (triệu đồng/ha/vụ) | 103,28 \pm 70,83 |
| Tỷ suất lợi nhuận (%) | 83,7 \pm 34,0 |

3.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nghề nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình và hướng giải quyết

Khi được hỏi về những thuận lợi của nghề nuôi nghêu tại địa phương, 100% số hộ nuôi trả lời họ có điều kiện bãi nuôi tốt ngoài ra



Hình 2: Thả giống và thu hoạch nghêu nuôi trên bãi triều thuộc tỉnh Bạc Liêu.

hầu hết các hộ nuôi nhận định họ không gặp phải vấn đề về dịch bệnh làm cho nghêu chết hàng loạt như những năm trước đó. Những vấn đề mà người nuôi nghêu nhận định là ảnh hưởng đến kết quả nuôi nghêu bao gồm: thời tiết và khí hậu, chất lượng nước, dịch bệnh, nguồn giống và kích cỡ giống, mật độ thả giống, kỹ thuật nuôi và thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên theo kết quả ghi nhận được thì những yếu tố tác động nhiều nhất đến nuôi nghêu là chất lượng nước (50%), tiếp đến là thời tiết khí hậu (35%), mật độ thả giống (30%), nguồn giống (25%) và kỹ thuật nuôi (15%), các yếu tố còn lại được đánh giá là ít ảnh hưởng (5 - 10%). Khảo sát nghề nuôi nghêu ở Gò Công Đông đã tính toán mô hình tương quan và xác định 4 yếu tố ảnh hưởng đến năng suất nuôi nghêu ở đây là: điều kiện bãi nuôi, tỉ lệ sống, mật độ nuôi và thời gian nuôi [4]. Cũng theo các tác giả này, những khó khăn mà người nuôi nghêu ở Gò Công Đông gặp phải là: môi trường nuôi nghêu hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, nguồn giống khan hiếm và chất lượng kém, dịch bệnh và khó khăn về nguồn vốn sản xuất.

Để khắc phục tình trạng nghêu chậm lớn và tỷ lệ sống chưa cao, người nuôi nhận định hướng giải quyết là thả mật độ thưa hơn và thả cỡ giống lớn hơn. Đồng thời do diện tích nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình khá lớn sẽ dẫn đến những khó khăn trong việc chăm sóc quản lý và ngăn ngừa dịch hại do đó có 65% số hộ được khảo sát nhận định họ cần qui hoạch lại diện tích nuôi để việc nuôi đạt hiệu quả hơn so với thực tế hiện nay. Việc tổ chức

lại hoạt động nuôi nghêu cũng cần được xem xét, do chi phí thuê mướn nhân công thời vụ và đặc biệt trong thời điểm thu hoạch nghêu khá lớn cho nên hình thức sản xuất theo tổ đội hợp tác và quản lý chung một cách có hệ thống cũng là yếu tố cần quan tâm để giảm chi phí nhân công thu hoạch và cuối vụ nuôi nghêu.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Các hộ nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình có diện tích bãi nuôi rộng (13,94 ha), mật độ nuôi nghêu dày (422 con/m²) làm cho nghêu chậm lớn và thời gian nuôi dài (17,5 tháng). Tuy nhiên, năng suất nghêu đạt $10,60 \pm 3,77$ tấn/ha/vụ, với giá bán tương đối ổn định nên đa số các hộ nuôi đều có lợi nhuận ($103,28 \pm 70,83$ triệu đồng/ha/vụ) với tỷ suất lợi nhuận là 83,7%.

Một số thuận lợi của nghề nuôi nghêu ở huyện Hòa Bình là môi trường nước và điều kiện bãi nuôi thuận lợi, giá bán nghêu tương đối ổn định, được sự hỗ trợ của các cấp quản lý. Bên cạnh đó, nghề nuôi nghêu cũng gặp những khó khăn đó là biến đổi của thời tiết khí hậu, nguồn giống và kỹ thuật chăm sóc quản lý.

3.2. Kiến nghị

Một số giải pháp được đề xuất để phát triển nghề nuôi nghêu bền vững là lựa chọn mật độ thả và kích cỡ giống phù hợp, không nuôi nghêu với mật độ quá dày, định kỳ cào san thưa bãi nuôi và bắt dịch hại trong bãi nuôi. Mặt khác, để phát triển bền vững cần qui hoạch lại bãi nuôi để việc chăm sóc quản lý hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016. Quyết định số 3529/QĐ-BNN-TCTS, ngày 25/08/2016 về việc “Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.
2. Bùi Đắc Thuyết, Trần Văn Dũng, 2013. Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 11(7), 972-980.
3. Huỳnh Văn Hiền, Lê Xuân Sinh, 2014. Phân phối lợi ích và chi phí trong chuỗi giá trị nghêu trắng (*Meretrix lyrata* Sowerby, 1851) ở tỉnh Trà Vinh. Hội thảo môi liên hệ giữa rừng ngập mặn và nguồn lợi nghêu, ngày 18/11/2014, Thành phố Hồ Chí Minh. Viện sinh học nhiệt đới. Thành phố Hồ Chí Minh, 110-120.
4. Lê Quốc Phong, Nguyễn Công Tráng và Phan Duy Khánh, 2018. Hiện trạng kỹ thuật và tài chính của nghề nuôi nghêu (*Meretrix lyrata*) tại huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54 (Số chuyên đề: Thủy sản,1), 184-190.
5. Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Huỳnh Văn Hiền, Trương Quốc Phú, 2007. Nghiên cứu thị trường nghêu ở tỉnh Trà Vinh trong mối liên hệ với các tỉnh ven biển phía Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 8, 38 – 46.
6. Ngô Thị Thu Thảo, Lâm Thị Quang Mẫn, 2012a. Ảnh hưởng của độ mặn và thời gian phơi bãi đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của nghêu (*Meretrix lyrata*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ, 22a, 123-130.
7. Ngô Thị Thu Thảo, Lâm Thị Quang Mẫn, 2012b. Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn đến tốc độ lọc táo, chỉ số độ béo và tỷ lệ sống của nghêu (*Meretrix lyrata*). Tạp chí Khoa học, trường Đại học Cần Thơ, 23b, 265-271.
8. Ngô Xuân Ba, Nguyễn Tấn Sỹ, 2015. Ảnh hưởng của mật độ, cỡ giống lên sinh trưởng và tỷ lệ sống của nghêu *Meretrix lyrata* (Sowerby, 1851) tại Hải Phòng. Tạp chí Khoa học – Công nghệ thủy sản, trường Đại học Nha Trang, 3, 79-83.
9. Nguyễn Thị Kim Anh, Chu Chí Thiêt, 2012. Ảnh hưởng của mật độ thả nuôi đến tăng trưởng, tỷ lệ sống và hiệu quả sản xuất của ngao (*Meretrix lyrata*) nuôi ở vùng bãi triều Thanh Hóa. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 5, 17-21.
10. Phạm Thị Lan, Ngô Anh Tuấn, 2014. Hiện trạng, tiềm năng và các giải pháp quy hoạch, phát triển bền vững vùng nuôi nghêu (*Meretrix lyrata* Sowerby, 1851) bãi triều ven biển huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy sản, trường Đại học Nha Trang, 1, 141-147.
11. Vụ Nuôi trồng thủy sản, 2022. Báo cáo kết quả ngành thủy sản năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.